

ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG MÔ HÌNH ĐỒNG GIẢNG DẠY TRONG ĐÀO TẠO LUẬT TẠI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Anh Đức¹

Email: naduc2004@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1071

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số, nghiên cứu này nhằm đổi mới đào tạo pháp lý tại Việt Nam qua mô hình đồng giảng dạy, thu hẹp khoảng cách lý thuyết-thực tiễn, trang bị sinh viên luật kỹ năng nghề nghiệp toàn diện như tư duy phản biện và ứng dụng thực tế. Dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb và kiến tạo xã hội của Vygotsky, phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích, quy nạp, diễn giải tài liệu quốc tế và so sánh với thực trạng Việt Nam để đưa ra đề xuất phù hợp cho đào tạo luật hiện nay. Bài viết nhấn mạnh mô hình đồng giảng dạy với mục tiêu chuyển trọng tâm sang người học.; theo đó tác giả cũng đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp lý cho giảng viên hành nghề luật sư (theo Nghị quyết 66-NQ/TW); ưu tiên team teaching và CLE với phòng khám cộng đồng; phát triển giảng viên kiêm nhiệm qua ưu đãi; tăng hợp tác quốc tế; đổi mới chương trình, nâng cao năng lực và đầu tư hạ tầng để xây dựng nhân lực pháp lý chất lượng cao, sẵn sàng hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: đồng giảng dạy, đào tạo luật, hội nhập, toàn cầu hóa, mô hình đồng giảng dạy

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển vũ bão của công nghệ số, ngành luật trên toàn cầu đang chứng kiến một cuộc chuyển đổi mô hình mạnh mẽ, sự chuyển đổi này đặt ra yêu cầu cấp bách về việc đổi mới phương thức đào tạo pháp lý, nhằm trang bị cho đội ngũ chuyên gia tương lai những năng lực thích ứng với một môi trường hành nghề phức tạp và

năng động. Mô hình giáo dục pháp luật truyền thống, vốn chú trọng vào các bài giảng lý thuyết và tài liệu in sẵn, đang dần bộc lộ những hạn chế nội tại trong việc đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động hiện đại. Nền kinh tế tri thức ngày nay không chỉ yêu cầu kiến thức chuyên sâu mà còn đòi hỏi cao về khả năng vận dụng tri thức đó vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc “biết luật” chỉ là điểm khởi đầu; năng lực nghề nghiệp thực sự được

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

xác định bởi khả năng vận dụng pháp luật một cách linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong các tình huống cụ thể. Khoảng cách giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề nghiệp ngày càng nổi rộng, tạo áp lực buộc các cơ sở đào tạo pháp luật phải cải tiến chương trình giảng dạy và nội dung đào tạo. Để thu hẹp khoảng cách này, nhiều phương pháp sư phạm tiên tiến đã được nghiên cứu và ứng dụng, hướng tới việc tăng cường tính thực tiễn và liên ngành trong đào tạo. Trong số đó, phương pháp đồng giảng nổi lên như một giải pháp tiềm năng, kết hợp kiến thức chuyên môn của giảng viên đại học với kinh nghiệm thực tiễn của các chuyên gia trong ngành.

II. Cơ sở lý thuyết

Mô hình đồng giảng (co-teaching) trong đào tạo luật có cơ sở lý thuyết vững chắc dựa trên hai học thuyết giáo dục cốt lõi: Lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning Theory) của David A. Kolb và Lý thuyết kiến tạo xã hội (Social Constructivism) của Lev Vygotsky.

Trong giáo dục pháp luật, mô hình đồng giảng đã ứng dụng hiệu quả Lý thuyết học tập trải nghiệm của David A. Kolb, một học thuyết mô tả quá trình học tập thông qua chu trình bốn giai đoạn. Đầu tiên, sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các trải nghiệm cụ thể qua các tình huống pháp lý thực tế do cả giảng viên và chuyên gia đưa ra. Tiếp theo, dưới sự hướng dẫn của hai nhà giáo dục, sinh viên thực hiện quan sát phản ánh, phân tích vấn đề từ cả góc độ lý thuyết hàn lâm lẫn kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó, họ tiến hành khái quát hóa trừu tượng để tổng hợp kiến thức, rút ra các nguyên tắc và quy luật pháp lý cốt lõi. Giai đoạn cuối cùng, sinh viên tham gia thực nghiệm chủ động bằng cách áp dụng kiến thức vào các bài tập, phiên tòa

giả định hoặc thực tập đề củng cố và kiểm chứng hiểu biết của mình (Kolb, 1984). Nhờ đó, mô hình đồng giảng giúp sinh viên biến kinh nghiệm thành kiến thức và phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện.

Theo Lý thuyết kiến tạo xã hội của Vygotsky, kiến thức không được truyền thụ một chiều mà được người học chủ động xây dựng thông qua các tương tác với những người có trình độ cao hơn. Học thuyết này nhấn mạnh khái niệm Vùng phát triển gần nhất (ZPD), tức là khoảng cách giữa năng lực tự học và khả năng đạt được dưới sự hỗ trợ của một người có kiến thức cao hơn (MKO). Trong mô hình đồng giảng, cả giảng viên và chuyên gia đều đóng vai trò là MKO. Giảng viên cung cấp nền tảng lý thuyết và khuôn khổ học thuật, trong khi chuyên gia giúp sinh viên vượt qua ranh giới giữa lý thuyết và thực tiễn (Vygotsky, 1978). Sự tương tác đa chiều này không chỉ giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức, mà còn chủ động xây dựng năng lực nghề nghiệp, tạo ra một quá trình học tập toàn diện và cân bằng.

III. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của bài viết kết hợp tiếp cận định tính, tập trung vào phân tích tài liệu thứ cấp và so sánh lý thuyết-thực tiễn. Cụ thể, các phương pháp phân tích và bình luận được áp dụng để phân tích các tài liệu từ các trường luật hàng đầu thế giới, chẳng hạn như Trường Luật Harvard (Mỹ) và các chương trình tại Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (American Bar Association, 1992), nơi chuyên gia thực tiễn được tích hợp qua mô hình giảng dạy thực tiễn và giảng dạy hợp tác. Đồng thời, phương pháp quy nạp và diễn giải được sử dụng để tổng hợp các mô hình đồng giảng dạy từ các nghiên cứu quốc tế, như phân tích meta của Murawski và

Swanson (2001) về hiệu quả hợp tác giảng viên, nhằm rút ra các nguyên tắc cốt lõi về tích hợp lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được triển khai theo khung đối chiếu có hệ thống, bao gồm việc đánh giá các yếu tố tương đồng (như vai trò của giảng viên kiêm nhiệm trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp) và khác biệt (như rào cản về khung pháp lý và hạ tầng tại Việt Nam so với các nước phát triển) giữa mô hình quốc tế và thực trạng đào tạo luật nội địa, dựa trên dữ liệu từ Bộ Tư pháp Việt Nam (2012; n.d.). Từ đó, nghiên cứu quy nạp các bài học kinh nghiệm khả thi, chẳng hạn như ưu tiên chính sách cho phép giảng viên hành nghề luật sư, nhằm đề xuất ứng dụng phù hợp trong bối cảnh Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái niệm về mô hình đồng giảng dạy

Mô hình đồng giảng (co-teaching) đã được các nhà khoa học giáo dục định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, phản ánh sự đa dạng trong mục đích và bối cảnh áp dụng. Theo tác giả Beuwens và Hourcade định nghĩa đồng giảng là *sự tái cấu trúc các quy trình giảng dạy, trong đó hai hay nhiều nhà giáo dục với các kỹ năng chuyên biệt làm việc phối hợp để cùng nhau giảng dạy một nhóm học sinh về mặt kiến thức và hành vi* (Bauwens & Hourcade, 1995). Định nghĩa này nhấn mạnh vai trò bổ sung của các nhà giáo dục có chuyên môn khác nhau, cùng hướng tới một mục tiêu chung.

Tương tự, Villa, và cộng sự mô tả đồng giảng là *việc hai hoặc nhiều người chia sẻ trách nhiệm giảng dạy một phần hoặc toàn bộ học sinh được phân công vào một lớp học* (Villa & cộng sự, 2004). Định nghĩa này tập trung vào khía cạnh chia sẻ trách nhiệm giữa các nhà giáo dục;

nhiều chuyên gia giảng dạy cho một nhóm trong cùng một không gian.

Như vậy qua nghiên cứu các khái niệm từ nhiều góc độ khác nhau, tác giả cho rằng: *Đồng giảng dạy là một mô hình sư phạm hợp tác, trong đó hai hoặc nhiều nhà giáo dục (thường là giảng viên và chuyên gia thực tiễn) cùng phối hợp để chia sẻ trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá toàn bộ quá trình giảng dạy cho một nhóm sinh viên*. Mô hình này không chỉ đơn thuần là sự hỗ trợ lẫn nhau, mà còn là sự tích hợp và bổ trợ chuyên môn giữa các nhà giáo dục có năng lực và vai trò khác nhau. Mục tiêu cốt lõi của đồng giảng là tối ưu hóa việc truyền thụ cả kiến thức hàn lâm lẫn kinh nghiệm thực tiễn, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, nâng cao hiệu quả đào tạo và phát triển toàn diện năng lực cho người học.

Nói một cách đơn giản, đồng giảng dạy là sự kết hợp có chủ đích của các chuyên gia để tạo ra một môi trường học tập đa chiều và phong phú, nơi sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức từ một nguồn duy nhất mà còn được tiếp xúc với nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau.

4.2. Phân loại mô hình đồng giảng dạy trong đào tạo luật

Mô hình đồng giảng dạy không chỉ đơn thuần là việc có hai giảng viên trong một lớp học, mà là sự hợp tác có chủ đích nhằm nâng cao trải nghiệm học tập của sinh viên thông qua các chiến lược chủ động và thực hành. Bốn mô hình chính có thể được áp dụng linh hoạt trong đào tạo luật, bao gồm:

Giảng dạy song song (Parallel Teaching): Hai giảng viên cùng giảng một nội dung, tuy nhiên chia lớp thành hai nhóm nhỏ để thảo luận chuyên sâu về

các vụ án, các điều khoản luật phức tạp hoặc các vấn đề pháp lý gây tranh cãi. Phương pháp này cho phép sinh viên nhận được phản hồi chi tiết hơn từ giảng viên và tăng cường sự tương tác trong nhóm (Murawski & Swanson, 2001).

Giảng dạy luân phiên (Alternative Teaching): Một giảng viên có thể trình bày một khái niệm pháp lý mới cho cả lớp, trong khi giảng viên thứ hai làm việc với một nhóm nhỏ sinh viên để củng cố các kỹ năng nền tảng (ví dụ: tra cứu văn bản pháp luật, phân tích án lệ) hoặc cung cấp các bài tập nâng cao cho sinh viên có năng lực vượt trội. Mô hình này giúp cá nhân hóa quá trình học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học (Friend & Cook, 2013).

Giảng dạy theo trạm (Station Teaching): Nội dung bài giảng được chia thành các “trạm” độc lập, mỗi trạm tập trung vào một kỹ năng pháp lý cụ thể. Ví dụ: Trạm 1 do một giảng viên phụ trách, hướng dẫn phân tích một điều luật và văn bản hướng dẫn; Trạm 2 do giảng viên còn lại hướng dẫn thảo luận một bản án thực tế liên quan; và Trạm 3 là trạm tự học hoặc thảo luận nhóm. Sinh viên luân chuyển giữa các trạm, giúp họ rèn luyện nhiều kỹ năng trong cùng một buổi học (Scruggs & cộng sự, 2007a).

Giảng dạy theo nhóm (Team Teaching): Hai giảng viên (ví dụ: một học giả và một luật sư thực hành) cùng trình bày một chủ đề, trong đó một người tập trung vào cơ sở lý luận, người còn lại cung cấp ví dụ thực tiễn, đóng vai trong các tình huống pháp lý hoặc đưa ra góc nhìn từ nghề nghiệp. Sự hợp tác này đặc biệt hiệu quả trong việc thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, một vấn đề tồn tại trong giáo dục luật truyền thống (O'Malley & Walker, 2008).

Sự hiện diện của nhiều giảng viên cho phép quản lý các kịch bản học tập phức tạp và đa diện hơn, cung cấp phản hồi kịp thời và cá nhân hóa, đồng thời tích hợp các quan điểm đa dạng vào việc giải quyết vấn đề. Điều này chuẩn bị cho sinh viên để đối phó với những yêu cầu thực tế của nghề nghiệp pháp lý.

4.3. Khoảng trống nghiên cứu trong mô hình đồng giảng trong đào tạo luật

Khoảng trống nghiên cứu đáng kể tồn tại trong lĩnh vực đồng giảng dạy (co-teaching) áp dụng cho giáo dục luật học, mặc dù mô hình này đã được nghiên cứu rộng rãi trong giáo dục phổ thông và giáo dục đặc biệt (Murawski & Swanson, 2001). Sự thiếu hụt này phản ánh cả khía cạnh lý thuyết và thực tiễn, đòi hỏi cần có một hệ thống tài liệu chuyên biệt tập trung vào các vấn đề đặc thù của ngành luật.

Các khoảng trống chính bao gồm:

- **Thiếu nghiên cứu thực nghiệm chuyên sâu:** Phần lớn các nghiên cứu hiện có tập trung vào bối cảnh giáo dục phổ thông, dẫn đến sự thiếu hụt dữ liệu về hiệu quả của các mô hình đồng giảng dạy trong giáo dục luật học (Bacharach & cộng sự, 2004). Cần có các nghiên cứu thực nghiệm để xác định hiệu quả của từng mô hình đồng giảng dạy (ví dụ: Giảng dạy đồng đội so với Giảng dạy theo trạm) đối với các mục tiêu học tập cụ thể trong các khóa học luật.

- **Tiềm năng giải quyết các vấn đề sư phạm luật học:** Nghiên cứu cần tập trung vào cách đồng giảng dạy có thể giải quyết các vấn đề quan trọng trong giáo dục luật học, đặc biệt là việc tăng cường sự đa dạng, công bằng và hòa nhập. Mặc dù có sự đồng thuận về tầm quan trọng của sự đa dạng, vẫn thiếu các nghiên cứu

cụ thể về cách đồng giảng dạy có thể hỗ trợ tốt nhất các nhóm sinh viên đa dạng và thúc đẩy một môi trường học tập hòa nhập hơn (O'Malley & Walker, 2008).

- Tác động dài hạn và những thách thức đặc thù: Cần nghiên cứu về tác động dài hạn của các khóa học luật có sử dụng đồng giảng dạy đối với con đường sự nghiệp của sinh viên, chẳng hạn như sự tham gia vào các hoạt động pháp lý cộng đồng. Đồng thời, các nghiên cứu tương lai cần tập trung vào việc khắc phục các thách thức đặc thù của ngành luật, bao gồm việc đảm bảo giảng viên có chuyên môn sâu về lý thuyết và thực hành, cũng như sự hỗ trợ từ các tổ chức để thúc đẩy hợp tác liên ngành.

Việc định hướng nghiên cứu dựa trên các vấn đề thực tế mà các trường luật và sinh viên luật đang đối mặt sẽ đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu có thể được áp dụng để cải thiện chất lượng giáo dục và chuẩn bị cho sinh viên tốt hơn cho nghề nghiệp (Scruggs & cộng sự, 2007b).

4.4. Đề xuất mô hình đồng giảng dạy trong đào tạo luật cho Việt Nam

Để xây dựng một mô hình đồng giảng dạy (co-teaching) hiệu quả và phù hợp với bối cảnh giáo dục luật học tại Việt Nam, cần có một chiến lược toàn diện, bao gồm hoàn thiện khung chính sách, đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, và tăng cường hợp tác đa bên. Các kiến nghị dưới đây tập trung vào việc giải quyết các thách thức đã được nhận diện, nhằm cải thiện chất lượng đào tạo và trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực tiễn cần thiết cho nghề nghiệp, cụ thể:

Xây dựng cơ chế cho phép giảng viên luật hành nghề luật sư: Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị với yêu cầu “Nghiên cứu hình thành cơ chế có điều

kiện cho phép viên chức được hành nghề luật sư” đánh dấu một bước chuyển mình chiến lược trong giáo dục luật học tại Việt Nam. Đây không chỉ là một thay đổi về mặt chính sách, mà còn là một giải pháp căn cơ để giải quyết một trong những thách thức lớn nhất của ngành: khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Trong bối cảnh hiện tại, chương trình đào tạo luật ở Việt Nam vẫn còn nặng về lý thuyết, dẫn đến tình trạng sinh viên sau khi ra trường nắm vững các điều khoản luật nhưng lại lúng túng khi đối mặt với các tình huống pháp lý phức tạp trong thực tiễn (Bộ Tư pháp, 2012). Việc cho phép giảng viên hành nghề luật sư được kỳ vọng sẽ giải quyết triệt để vấn đề này, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp lý của đất nước. Việc cho phép giảng viên luật hành nghề luật sư là một giải pháp then chốt nhằm thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn trong giáo dục luật học. Chính sách này mang lại những lợi ích thiết thực đã được chứng minh qua kinh nghiệm quốc tế và những minh chứng ban đầu tại Việt Nam. Hoạt động hành nghề giúp giảng viên cập nhật kiến thức pháp luật một cách liên tục và sâu sắc nhất, hiểu rõ các quy trình tố tụng, cũng như những bất cập của pháp luật trên thực tế (Bộ Tư pháp, n.d.). Kinh nghiệm thực tiễn này sau đó được tích hợp vào bài giảng, làm cho nội dung trở nên sinh động và sát với thực tiễn hơn.

Minh chứng rõ ràng nhất đến từ các trường luật danh tiếng trên thế giới. Tại các cơ sở như Trường Luật Harvard (Mỹ), giảng viên thường là những luật sư, thẩm phán hoặc công tố viên có kinh nghiệm thực chiến. Điều này cho phép sinh viên tiếp cận với các chiến lược tố tụng và tư duy phản biện từ những chuyên gia hàng đầu, không chỉ giới hạn ở lý thuyết sách vở. Một nghiên cứu của Hiệp hội Luật

sư Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng, sinh viên học với các giáo sư có kinh nghiệm thực tế thường có kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy pháp lý sắc bén hơn (American Bar Association, 1992). Tại Việt Nam, mặc dù cơ chế chưa chính thức, nhưng một số giảng viên tại các trường luật lớn như Đại học Luật Hà Nội hay Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đã có giấy phép hành nghề luật sư, và các lớp học của họ luôn thu hút sinh viên hơn nhờ những ví dụ và câu chuyện thực tế. Điều này cho thấy hiệu quả rõ rệt của việc kết hợp lý thuyết với thực tiễn trong giảng dạy. Bên cạnh đó, việc lồng ghép kinh nghiệm thực tiễn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi như giao tiếp, đàm phán và xử lý tình huống, giúp họ sẵn sàng hơn cho công việc sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách này cần đi kèm với các quy định chặt chẽ để đảm bảo đạo đức nghề nghiệp, tránh xung đột lợi ích và không làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy (Bộ Tư pháp, n.d.).

Ưu tiên các mô hình phù hợp với đặc thù luật học: Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp lý, việc đổi mới phương pháp giảng dạy luật học là một điều cần thiết. Một trong những giải pháp hiệu quả là ưu tiên các mô hình đồng giảng dạy (co-teaching) được thiết kế riêng biệt cho ngành luật, vốn mang tính thực tiễn cao. Việc áp dụng các mô hình này không chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa học thuật và thực hành. Đầu tiên, mô hình Dạy theo nhóm (Team Teaching) rất phù hợp để mô phỏng tính chất tranh tụng và lập luận đa chiều của nghề luật, mô hình này cho phép hai hoặc nhiều giảng viên cùng hợp

tác để phân tích một vấn đề pháp lý từ các góc độ khác nhau, từ đó giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và khả năng lập luận sắc bén. Ví dụ mô hình này có thể được triển khai trong các môn học như Luật Tố tụng Hình sự, nơi một giảng viên lý thuyết và một thẩm phán hoặc kiểm sát viên cùng giảng dạy. Thứ hai, mô hình Giáo dục Pháp luật Thực hành (Clinical Legal Education - CLE) là phương pháp cốt lõi để đào tạo luật sư thực hành. Mục tiêu của CLE là trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu như phỏng vấn khách hàng, nghiên cứu pháp luật thực tế, và soạn thảo văn bản thông qua các “phòng khám luật” (legal clinics) hoặc chương trình thực tập. Tại Việt Nam, một số trường luật đã triển khai các phòng tư vấn pháp luật cộng đồng, song các chương trình này cần được tích hợp chặt chẽ hơn vào chương trình đào tạo chính thức dưới dạng các môn học có tín chỉ. Điều này sẽ đảm bảo mọi sinh viên đều có cơ hội trải nghiệm thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Phát triển đội ngũ giảng viên thực tế và giảng viên kiêm nhiệm: Để xây dựng một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, các trường luật cần có cơ chế thu hút các chuyên gia thực tế từ các cơ quan tư pháp và các văn phòng luật sư. Nhà nước cần ban hành các chính sách ưu đãi về lương, thưởng, và tạo điều kiện về mặt thời gian để các cán bộ tư pháp có thể tham gia công tác giảng dạy. Điều này tạo ra một sự kết hợp lý tưởng giữa kiến thức hàn lâm của giảng viên cơ hữu và kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên kiêm nhiệm, từ đó mang lại một môi trường học tập toàn diện cho sinh viên. Ví dụ, một thẩm phán Tòa án nhân dân có thể được mời giảng dạy các môn về tố tụng dân sự. Với kinh nghiệm hàng chục năm trong nghề, họ

có thể chia sẻ các án lệ, các tình huống thực tiễn và những bài học kinh nghiệm quý báu mà sách vở không thể có. Điều này không chỉ giúp sinh viên nắm vững lý thuyết mà còn hiểu rõ hơn về cách thức vận hành của hệ thống tư pháp và những thách thức trong thực tiễn xét xử.

Hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế trong giáo dục luật học là một xu hướng không thể đảo ngược trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc mời giảng viên nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như luật công nghệ, luật môi trường, hoặc so sánh luật, sẽ giúp sinh viên tiếp cận với những tri thức và phương pháp giảng dạy tiên tiến. Mô hình đồng giảng dạy với giảng viên quốc tế đặc biệt hữu ích cho các môn học chuyên sâu, giúp sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ và tư duy phản biện. Ví dụ, trong môn Luật Sở hữu trí tuệ, một giảng viên người Việt sẽ trình bày các quy định pháp luật Việt Nam, trong khi một giảng viên đến từ Mỹ hoặc châu Âu sẽ chia sẻ về các vụ kiện điển hình, các án lệ quốc tế và cách thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh toàn cầu. Sự kết hợp này giúp sinh viên không chỉ nắm vững pháp luật trong nước mà còn có cái nhìn toàn diện về luật quốc tế, sẵn sàng cho công việc trong các công ty đa quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế. Các chương trình hợp tác quốc tế này còn giúp sinh viên tiếp cận các nền văn hóa pháp lý khác nhau, từ đó rèn luyện kỹ năng tư duy đa chiều và thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu.

V. Kết luận

Đồng giảng dạy được xác định là một chiến lược toàn diện, có tiềm năng cách mạng hóa đào tạo luật tại Việt Nam bằng cách dịch chuyển trọng tâm từ người thầy sang người học. Phương

pháp này giúp thu hẹp đáng kể khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, đồng thời phát triển các kỹ năng mềm và tư duy phản biện cho sinh viên luật. Để xây dựng một mô hình đồng giảng dạy hiệu quả tại Việt Nam, cần có sự phối hợp đồng bộ và quyết tâm cao từ nhiều cấp độ. Cụ thể, cần hoàn thiện khung pháp lý để cho phép giảng viên luật hành nghề luật sư có điều kiện, giúp họ tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, cần đổi mới chương trình đào tạo để tích hợp các phương pháp học tập hợp tác, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu. Thêm vào đó, việc đầu tư vào cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ và tăng cường hợp tác với các tổ chức hành nghề luật cũng như các đối tác quốc tế là những yếu tố thiết yếu để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của mô hình này.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025-03.40.

Tài liệu tham khảo

- [1]. American Bar Association. (1992). *Legal education and professional development-An educational continuum: Report of the Task Force on Law Schools and the Profession: Narrowing the gap*. https://www.researchgate.net/publication/352684303_Legal_Education_and_Professional_Development_-_an_Educational_Continuum_Report_of_the_Task_Force_on_Law_Schools_and_the_Profession_Narrowing_the_Gap_Illinois_American_Bar_Association_1992.
- [2]. Bacharach, N., Heck, T. W., & Dahlberg, K. (2004). Co-teaching in higher education. *Journal of College*

- Teaching & Learning*, 1(5), 1-13. <https://doi.org/10.19030/tlc.v1i5.1525>.
- [3]. Bauwens, J., & Hourcade, J. J. (1995). *Cooperative teaching: Rebuilding the schoolhouse for all students*. Pro-Ed.
- [4]. Bộ Tư pháp. (2012, 10 tháng 5). Giảng viên làm luật sư: Lợi ích nhiều chiều [Lecturers as lawyers: Multidimensional benefits]. *Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=4563>.
- [5]. Bộ Tư pháp. (n.d.). Xây dựng cơ sở đào tạo luật, nghề luật trọng điểm: Nền tảng cho nguồn nhân lực tư pháp chất lượng cao [Building key legal training bases: Foundation for high-quality judicial human resources]. *Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2723>.
- [6]. Friend, M., & Cook, L. (2013). *Interactions: Collaboration skills for school professionals* (7th ed.). Pearson.
- [7]. Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- [8]. Murawski, W. W., & Swanson, H. L. (2001). A meta-analysis of co-teaching research: Where have we been and where are we going? *Remedial and Special Education*, 22(5), 258-267. <https://doi.org/10.1177/074193250102200504>.
- [9]. O'Malley, J., & Walker, M. (2008). *Collaborative teaching: A guide to co-teaching in the 21st century*. ASCD.
- [10]. O'Malley, M., & Walker, L. (2008). Diversity and inclusion in legal education. *Journal of Legal Education*, 58(1), 1-25. <https://doi.org/10.2307/42894101>.
- [11]. Scruggs, T. E., Mastropieri, M. A., & McDuffie, K. A. (2007a). Co-teaching in inclusive classrooms: A meta-analysis of research from 1990 to 2005. *Journal of Learning Disabilities*, 40(5), 392-403. <https://doi.org/10.1177/00222194070400050201>.
- [12]. Scruggs, T. E., Mastropieri, M. A., & McDuffie, K. A. (2007b). Co-teaching in secondary schools: A closer look. *The High School Journal*, 90(4), 1-19. <https://doi.org/10.1353/hsj.2007.0016>.
- [13]. Villa, R. A., Thousand, J. S., & Nevin, A. I. (2004). *A guide to co-teaching: Practical tips for facilitating student learning* (2nd ed.). Corwin Press.
- [14]. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.

PROPOSAL FOR APPLYING THE CO-TEACHING MODEL IN LEGAL EDUCATION IN VIETNAM IN THE PROCESS OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyen Anh Duc¹

Abstract: *In the context of globalization and digital technology, this study aims to innovate legal education in Vietnam through a co-teaching model that bridges the theoretical-practical gap and equips law students with comprehensive professional skills, including critical thinking and real-world application. Drawing on Kolb's theory of experiential learning and Vygotsky's social construction, the research method includes analyzing, inductively interpreting, and comparing international literature with the current situation in Vietnam to make appropriate proposals for current law training. The article emphasizes the co-teaching model, aiming to shift the focus to learners. Accordingly, the author offers recommendations for legal improvement for lecturers practicing law (according to Resolution 66-NQ/TW); prioritize teaching and CLE teams with community clinics; develop part-time lecturers through incentives; increase international cooperation; innovate programs, improve capacity, and invest in infrastructure to build high-quality legal human resources, ready for global integration.*

Keywords: *co-teaching, law training, integration, globalization, co-teaching model*

¹ Hanoi Open University